

Số: 86 /QĐ-KHCN

Bắc Giang, ngày 27 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề tài KH&CN cấp cơ sở “Ứng dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất và chế biến thử nghiệm trà Ôi túi lọc từ búp ôi tại HTX Nông nghiệp Quyên Phong, Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang”

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 410/QĐ-KHCN ngày 16/12/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện năm 2023;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng đánh giá hồ sơ giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở ngày 28/12/2022;

Căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí ngày 17/01/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khoa học công nghệ cơ sở và Sở hữu trí tuệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề tài KH&CN cấp cơ sở “Ứng dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất và chế biến thử nghiệm trà Ôi túi lọc từ búp ôi tại HTX Nông nghiệp Quyên Phong, Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang”, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Cơ quan chủ trì: Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp Tân Yên.
2. Chủ nhiệm đề tài: Thạc sĩ Đỗ Thị Quyên
3. Thời gian thực hiện: 10 tháng (từ tháng 02/2023 đến tháng 11/2023).
4. Mục tiêu của đề tài:
 - Xây dựng mô hình ứng dụng chế phẩm công nghệ sinh học trong sản xuất ôi và nguyên liệu búp ôi, quy mô 10 ha.
 - Xây dựng mô hình sản xuất sản phẩm trà ôi túi lọc từ nguyên liệu búp ôi với số lượng 500 hộp, 20 gói/hộp, 2,5 g/gói.
 - Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất ôi sử dụng chế phẩm công nghệ sinh học và kỹ thuật sản xuất sản phẩm trà ôi túi lọc từ nguyên liệu búp ôi.

5. Nội dung của đề tài:

5.1. Xây dựng mô hình ứng dụng chế phẩm công nghệ sinh học trong sản xuất ổi và nguyên liệu búp ổi

- Địa điểm: Thị trấn Cao Thượng và xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên.
- Quy mô: Diện tích 10 ha.
- Nội dung: Sử dụng chế phẩm sinh học: Nấm xanh (SAU.03), Hệ vi sinh kháng nấm (NAM.02) để phun phòng trừ sâu bệnh hại trên cây ổi theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng chế phẩm.
- Theo dõi tình hình sinh trưởng, sâu bệnh hại (Rệp sáp, rầy mềm, sâu ăn lá, bệnh đốm rong, bệnh thán thư). Theo dõi về mật độ, tỷ lệ gây hại, thời gian phát sinh của các đối tượng sâu bệnh hại, mức độ gây hại và hiệu lực sử dụng chế phẩm sinh học.

- Đánh giá năng suất (quả ổi và búp ổi) tại mô hình.

5.2. Xây dựng mô hình sản xuất sản phẩm trà ổi túi lọc từ nguyên liệu búp ổi

- Địa điểm: HTX Nông nghiệp Quỳên Phong, Thị trấn Cao Thượng.
- Thời gian: Từ tháng 4-9/2023.
- Quy mô: 500 hộp, 20 gói/hộp, 2,5 gam/gói.
- Nội dung công việc: Thu hoạch búp ổi, sấy khô (Áp dụng phương pháp sấy lạnh), nghiền nhỏ, đóng gói thành phẩm.
- Phân tích 03 mẫu chất lượng sản phẩm: 01 mẫu trà ổi túi lọc về tồn dư thuốc BVTV theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 Quy định giới hạn dư lượng thuốc BVTV trong thực phẩm; 01 mẫu búp ổi về dinh dưỡng trước khi sấy lạnh; 01 mẫu búp ổi về dinh dưỡng sau khi sấy lạnh.
- Áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam TCVN7975:2008 về chè thảo mộc túi lọc.
- Công bố tiêu chuẩn cơ sở; Thiết kế bao bì, nhãn mác cho sản phẩm trà túi lọc được sản xuất từ mô hình.

5.3. Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất ổi sử dụng chế phẩm công nghệ sinh học và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất sản phẩm trà ổi túi lọc từ nguyên liệu búp ổi.

Trên cơ sở kỹ thuật áp dụng trong mô hình ứng dụng chế phẩm công nghệ sinh học trong sản xuất ổi và nguyên liệu búp ổi và mô hình kỹ thuật sản xuất sản phẩm trà ổi túi lọc từ nguyên liệu búp ổi, cơ quan chủ trì sẽ tiến hành đánh giá tổng hợp xây dựng thành 02 bản hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương:

- Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất ổi sử dụng chế phẩm công nghệ sinh học.
- Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất sản phẩm trà ổi túi lọc từ nguyên liệu búp ổi.

5.4. Tổ chức 01 hội nghị đánh giá kết quả mô hình kết hợp với tập huấn kỹ thuật.

- Tổ chức 01 hội nghị đánh giá kết quả mô hình sản xuất ổi sử dụng chế phẩm sinh học, mô hình kỹ thuật sản xuất sản phẩm trà ổi túi lọc kết hợp với công tác tập huấn kỹ thuật tại Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên. Thành phần: Đại diện Trung tâm khuyến nông tỉnh Bắc Giang, Đại diện Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản Bắc Giang, Đại diện phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tân

Yên, Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện huyện Tân Yên, đại diện UBND một số xã lân cận, các thôn và một số hộ dân trồng ổi tại xã Tân Trung. Tổng số: 50 đại biểu tham dự.

- Thời gian: 01 ngày. Buổi sáng: Thăm quan thực tế, đánh giá kết quả mô hình. Buổi chiều: Tập huấn kỹ thuật sản xuất ổi sử dụng chế phẩm sinh học, kỹ thuật sản xuất sản phẩm trà ổi túi lọc.

5.5. Viết báo cáo kết quả thực hiện đề tài.

6. Sản phẩm của đề tài:

- Mô hình ứng dụng sản phẩm công nghệ sinh học trong sản xuất ổi và nguyên liệu búp ổi, quy mô: 10 ha tại thị trấn Cao Thượng và xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên (có biên bản nghiệm thu mô hình kèm theo).

- Mô hình sản xuất sản phẩm trà ổi túi lọc từ nguyên liệu búp ổi với số lượng 500 hộp, 20 gói/hộp, 2,5g/gói (có biên bản nghiệm thu mô hình kèm theo).

- Bảng kết quả phân tích 03 mẫu chất lượng sản phẩm.

- Bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất ổi sử dụng chế phẩm công nghệ sinh học và kỹ thuật sản xuất sản phẩm trà ổi túi lọc từ nguyên liệu búp ổi.

- Tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm trà túi lọc.

- 01 Bộ bao bì, nhãn mác cho sản phẩm trà túi lọc.

- Kỷ yếu hội thảo khoa học.

- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài.

7. Tổng kinh phí thực hiện đề tài: 182.140.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KH&CN: 85.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu đồng).

- Kinh phí từ nguồn khác: 97.140.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng).

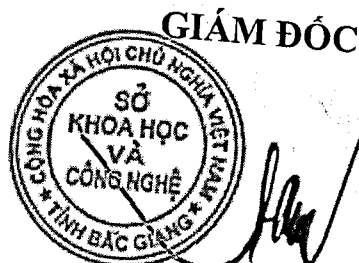
Điều 2. Chủ nhiệm đề tài, cơ quan chủ trì có trách nhiệm triển khai thực hiện đề tài theo đúng mục tiêu, nội dung đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN theo đúng qui định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: Quản lý Khoa học công nghệ cơ sở và Sở hữu trí tuệ, Văn phòng Sở, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, CS&SHTT.



Nguyễn Thanh Bình